

Số: .....*ALV*.../2025/TB – ALVĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ***(Mẫu dùng cho các trường hợp bỏ nhiệm và/hoặc miễn nhiệm/là nhiệm)***Kính gửi:****Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước****Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Căn cứ theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 25/04/2025 của Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty như sau:

***Trường hợp bỏ nhiệm (\*):***

1. Bà: *Lê Hoàng Yến*
  - Chức vụ hiện tại (tại Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO): Không có
  - Bỏ nhiệm chức vụ mới: Thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2025-2030
  - Ngày bắt đầu có hiệu lực: 25/04/2025
2. Bà: *Nghiêm Thị Thu Hiền*
  - Chức vụ hiện tại (tại Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO): Trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2025
  - Bỏ nhiệm chức vụ mới: Thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2025-2030
  - Ngày bắt đầu có hiệu lực: 25/04/2025
3. Ông: *Lê Xuân Mừng*
  - Chức vụ hiện tại (tại Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO): Không có
  - Bỏ nhiệm chức vụ mới: Thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2025-2030
  - Ngày bắt đầu có hiệu lực: 25/04/2025

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/04/2025 tại đường dẫn [www.alvico.vn](http://www.alvico.vn)

***Tài liệu đính kèm/Attached documents:***

- Các Nghị quyết về việc thay đổi nhân sự;
- Danh sách người nội bộ và những người có liên quan

**Đại diện tổ chức**  
Người đại diện theo pháp luật  
  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Lê Thị Thu Hà*

PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN (CÁ NHÂN, TỔ CHỨC) ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ

Mã chứng khoán: ALV

Tên Công ty: CTCP Xây dựng Alivco

Ngày chốt: 25/04/2025

| STT  | Mã chứng khoán | Họ và tên        | Chức vụ tại công ty        | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND, Hộ chiếu, ĐKKD) | Số giấy NSH  | Ngày cấp giấy NSH | Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ | Ghi chú |
|------|----------------|------------------|----------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------|--------------|-------------------|--------------------------------------|---------|
| 1    | 2              | 3                | 4                          | 5                                | 6                                         | 7            | 8                 | 9                                    | 10      |
| Text | Text           | Text             | Text                       | Text                             | Text                                      | Text         | Date (dd/mm/yyyy) | Date (dd/mm/yyyy)                    | Text    |
| 1    | ALV            | Lâm Thu Huyền    | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |                                  | CCCD                                      | 001176047080 | 10/07/2021        | 17/06/2019                           |         |
| 1.01 | ALV            | Nguyễn Thị Sy    |                            | Mẹ đẻ                            | CCCD                                      | 030148000032 | 10/03/2023        | 17/06/2019                           |         |
| 1.02 | ALV            | Lâm Thanh Hương  |                            | Chị gái                          | CCCD                                      | 001173026773 | 21/04/2021        | 17/06/2019                           |         |
| 1.03 | ALV            | Lê Đình Hải      |                            | Anh rể                           | CCCD                                      | 011639949    |                   | 17/06/2019                           |         |
| 1.04 | ALV            | Lâm Phi Hùng     |                            | Em trai                          | CCCD                                      | 001078001932 | 17/05/2021        | 17/06/2019                           |         |
| 1.05 | ALV            | Phan Thị Hiền    |                            | Em dâu                           | CCCD                                      | 001305008705 | 29/04/2021        | 17/06/2019                           |         |
| 2    | ALV            | Nguyễn Hải Ninh  | Thành viên HĐQT            |                                  | CCCD                                      | 022083003138 | 09/05/2021        | 14/05/2022                           |         |
| 2.01 | ALV            | Nguyễn Văn Nhật  |                            | Bố đẻ                            | CCCD                                      | 037057001136 | 25/07/2017        | 14/05/2022                           |         |
| 2.02 | ALV            | Phạm Thị Lân     |                            | Mẹ đẻ                            | CCCD                                      | 030155014322 | 17/05/2021        | 14/05/2022                           |         |
| 2.03 | ALV            | Nguyễn Công Toàn |                            | Bố dưỡng                         | CCCD                                      | 034049006226 | 03/07/2021        | 14/05/2022                           |         |
| 2.04 | ALV            | Nguyễn Thị Thách |                            | Mẹ kế                            | CCCD                                      | 022160000186 | 17/05/2021        | 14/05/2022                           |         |
| 2.05 | ALV            | Ngô Văn Dũng     |                            | Bố vợ                            | CCCD                                      | 034064000169 | 07/08/2014        | 14/05/2022                           |         |
| 2.06 | ALV            | Đặng Thị Thăm    |                            | Mẹ vợ                            | CCCD                                      | 034165003958 | 08/05/2021        | 14/05/2022                           |         |
| 2.07 | ALV            | Ngô Thị Thía     |                            | Vợ                               | CCCD                                      | 034184008322 | 11/08/2017        | 14/05/2022                           |         |
| 2.08 | ALV            | Nguyễn Thu Thủy  |                            | Em ruột                          | CMND                                      | 101163080    | 03/03/2009        | 14/05/2022                           |         |
| 2.09 | ALV            | Nguyễn Cẩm Chi   |                            | Con gái                          |                                           |              |                   | 14/05/2022                           | Còn nhỏ |
| 2.10 | ALV            | Nguyễn Đức Thiện |                            | Con trai                         |                                           |              |                   | 14/05/2022                           | Còn nhỏ |



| STT  | Mã chứng khoản | Họ và tên           | Chức vụ tại công ty      | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, BKRP) | Số giấy NSH  | Ngày cấp giấy NSH | Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ | Ghi chú |
|------|----------------|---------------------|--------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------|--------------|-------------------|--------------------------------------|---------|
| 1    | 2              | 3                   | 4                        | 5                                | 6                                               | 7            | 8                 | 9                                    | 10      |
| 2.11 | ALV            | Nguyễn Ngô Bảo Anh  |                          | Con gái                          |                                                 |              |                   | 14/05/2022                           | Còn nhỏ |
| 3    | ALV            | Lê Thị Lộc          | Thành viên HĐQT          |                                  | CCCD                                            | 034183009075 | 29/04/2021        | 17/06/2019                           |         |
| 3,01 | ALV            | Tô Thị Minh         |                          | Mẹ đẻ                            | CMND                                            | 150688026    | 26/02/2010        | 17/06/2019                           |         |
| 3,02 | ALV            | Đoàn Văn Công       |                          | Chồng                            | CMND                                            | 001082010219 | 17/08/2015        | 17/06/2019                           |         |
| 3,03 | ALV            | Lê Thị Giang        |                          | Em gái                           | CMND                                            | 371903505    | 05/05/2015        | 17/06/2019                           |         |
| 3,04 | ALV            | Phạm Văn Hòa        |                          | Em rể                            | CMND                                            | 370955611    | 18/09/2016        | 17/06/2019                           |         |
| 3,05 | ALV            | Lê Thị Nga          |                          | Em gái                           | CCCD                                            | 034189000837 | 13/04/2015        | 17/06/2019                           |         |
| 3,06 | ALV            | Nguyễn Chí Cường    |                          | Em rể                            | CCCD                                            | 001082013295 | 26/01/2012        | 17/06/2019                           |         |
| 3,07 | ALV            | Đoàn Anh Thư        |                          | Con gái                          |                                                 |              |                   | 17/06/2019                           | Còn nhỏ |
| 3,08 | ALV            | Đoàn Mai Anh        |                          | Con gái                          |                                                 |              |                   | 17/06/2019                           | Còn nhỏ |
| 4    | ALV            | Nghiệm Thị Thu Hiền | Thành viên Ban Kiểm soát |                                  | CCCD                                            | 001183038841 | 09/04/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 4,01 | ALV            | Nghiệm Sung         |                          | Bố đẻ                            | CCCD                                            | 001043004289 | 19/04/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 4,02 | ALV            | Lê Thị Tín          |                          | Mẹ đẻ                            | CCCD                                            | 001142012796 | 09/07/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 4,03 | ALV            | Hoàng Thị Vê        |                          | Mẹ chồng                         | CCCD                                            | 001158007524 | 25/07/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 4,04 | ALV            | Bùi Văn Nam         |                          | Chồng                            | CCCD                                            | 001083017546 | 07/07/2016        | 25/04/2025                           |         |
| 4,05 | ALV            | Nghiệm Thị Tâm      |                          | Chị gái                          | CCCD                                            | 001166015148 | 10/11/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 4,06 | ALV            | Nghiệm Thị Tinh     |                          | Chị gái                          | CCCD                                            | 001175004644 | 22/11/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 4,07 | ALV            | Nghiệm Việt Hùng    |                          | Anh trai                         | CCCD                                            | 001078005278 | 06/07/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 4,08 | ALV            | Nghiệm Việt Dũng    |                          | Em trai                          | CCCD                                            | 001087005798 | 24/07/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 4,09 | ALV            | Trịnh Ngọc Dự       |                          | Anh rể                           | CCCD                                            | 001064019664 | 13/09/2019        | 25/04/2025                           |         |
| 4,10 | ALV            | Lưu Văn Dân         |                          | Anh rể                           | CCCD                                            | 036073002784 | 24/07/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 4,11 | ALV            | Nguyễn Thị Mến      |                          | Chị dâu                          | CCCD                                            | 034184013432 | 09/04/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 4,12 | ALV            | Lương Thị Hoài Thu  |                          | Em dâu                           | CCCD                                            | 036189025754 | 01/11/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 4,13 | ALV            | Bùi Trường An       |                          | Con                              |                                                 |              |                   | 25/04/2025                           | Còn nhỏ |
| 4,14 | ALV            | Bùi Tuệ Nhi         |                          | Con                              |                                                 |              |                   | 25/04/2025                           | Còn nhỏ |
| 4,15 | ALV            | Bùi Gia Linh        |                          | Con                              |                                                 |              |                   | 25/04/2025                           | Còn nhỏ |



| STT  | Mã chứng khoán | Họ và tên             | Chức vụ tại công ty | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND, Hộ chiếu, ĐKKD) | Số giấy NSH   | Ngày cấp giấy NSH | Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ | Ghi chú |
|------|----------------|-----------------------|---------------------|----------------------------------|-------------------------------------------|---------------|-------------------|--------------------------------------|---------|
| 1    | 5              | Lê Hoàng Yên          | Thành viên BKS      |                                  | CCCD                                      | 036185000387  | 10/02/2025        | 25/04/2025                           |         |
| 5,01 | ALV            | Lê Quý Hiền           |                     | Bố đẻ                            | CCCD                                      | 036048002944  | 25/03/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 5,02 | ALV            | Nguyễn Thị Hiền       |                     | Mẹ đẻ                            | CCCD                                      | 036152005097  | 25/03/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 5,03 | ALV            | Nguyễn Quốc Ân        |                     | Bố chồng                         | CCCD                                      | 001043009385  | 24/05/2022        | 25/04/2025                           |         |
| 5,04 | ALV            | Nguyễn Thị Hào        |                     | Mẹ chồng                         | CCCD                                      | 001152003742  | 25/04/2024        | 25/04/2025                           |         |
| 5,05 | ALV            | Lê Mai Sinh           |                     | Chị gái                          | CCCD                                      | 036176002263  | 08/05/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 5,06 | ALV            | Lê Khánh Chi          |                     | Chị gái                          | CCCD                                      | 036179002377  | 29/04/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 5,07 | ALV            | Lê Quốc Huyền         |                     | Anh trai                         | CCCD                                      | 036082008959  | 16/12/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 5,08 | ALV            | Nguyễn Quốc Anh       |                     | chồng                            | CCCD                                      | 001083032462  | 05/08/2022        | 25/04/2025                           |         |
| 5,09 | ALV            | Trần Quốc Triều       |                     | Anh rể                           | CCCD                                      | 036072002122  | 02/07/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 5,1  | ALV            | Trần Văn Cường        |                     | Anh rể                           | CCCD                                      | 036076002592  | 01/05/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 5,11 | ALV            | Vũ Thị Hương          |                     | Chị dâu                          | CCCD                                      | 036183027180  | 10/08/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 5,12 | ALV            | Nguyễn Lê Hoàng Dương |                     | Con                              | CCCD                                      | 001210053114  | 12/04/2024        | 25/04/2025                           |         |
| 5,13 | ALV            | Nguyễn Gia Như        |                     | Con                              |                                           |               |                   | 25/04/2025                           |         |
| 5,14 | ALV            | Nguyễn Yên Nhi        |                     | Con                              |                                           |               |                   | 25/04/2025                           |         |
| 6    | ALV            | Lê Xuân Mừng          | Thành viên BKS      |                                  | CCCD                                      | 038095014746  | 27/11/2023        | 25/04/2025                           |         |
| 6,01 | ALV            | Lê Xuân Lộc           |                     | Bố đẻ                            | CCCD                                      | 038060032408  | 10/08/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 6,02 | ALV            | Tô Thị Thông          |                     | Mẹ đẻ                            | CCCD                                      | 038162028079  | 10/08/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 6,03 | ALV            | Bùi Văn Bắc           |                     | Bố vợ                            | CCCD                                      | 038072002457  | 16/12/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 6,04 | ALV            | Vũ Thị Biều           |                     | Mé vợ                            | CCCD                                      | 038172033001  | 10/08/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 6,05 | ALV            | Bùi Thị Trang         |                     | Vợ                               | CCCD                                      | 038196025471  | 27/08/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 6,06 | ALV            | Lê Thị Hằng           |                     | Chị gái                          | CCCD                                      | 038185039566  | 09/01/2025        | 25/04/2025                           |         |
| 6,07 | ALV            | Lê Thị Nga            |                     | Chị gái                          | CCCD                                      | 038186047297  | 27/08/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 6,08 | ALV            | Lê Thị Thu            |                     | Chị gái                          | CCCD                                      | 0381890006557 | 27/05/2023        | 25/04/2025                           |         |
| 6,09 | ALV            | Lê Xuân Vui           |                     | Anh trai                         | CCCD                                      | 038092003487  | 22/09/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 6,1  | ALV            | Lê Trung Duân         |                     | Em trai                          | CCCD                                      | 38098012511   | 12/11/2024        | 25/04/2025                           |         |
| 6,11 | ALV            | Lê Thị Thu Trang      |                     | Em gái                           | CCCD                                      | 38300011233   | 20/08/2021        | 25/04/2025                           |         |
| 6,12 | ALV            | Triệu Văn Cường       |                     | Anh rể                           | CCCD                                      | 38078004262   | 27/06/2021        | 25/04/2025                           |         |



| STT | Mã chứng khoản | Họ và tên | Chức vụ tại công ty | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD) | Số giấy NSH | Ngày cấp giấy NSH | Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|---------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------|-------------|-------------------|--------------------------------------|---------|
|-----|----------------|-----------|---------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------|-------------|-------------------|--------------------------------------|---------|

|      |     |                      |                |          |      |              |            |            |         |
|------|-----|----------------------|----------------|----------|------|--------------|------------|------------|---------|
| 1    | 2   | 3                    | 4              | 5        | 6    | 7            | 8          | 9          | 10      |
| 6,13 | ALV | Nguyễn Quốc Tâm      |                | Anh rể   | CCCD | 38079028951  | 19/08/2021 | 25/04/2025 |         |
| 6,14 | ALV | Hoàng Văn Thành      |                | Anh rể   | CCCD | 38088007915  | 30/06/2020 | 25/04/2025 |         |
| 6,15 | ALV | Đỗ Thị Đào           |                | Chị Dâu  | CCCD | 38193051288  | 01/03/2024 | 25/04/2025 |         |
| 6,16 | ALV | Nguyễn Thị Thủy      |                | Em dâu   | CCCD | 38300018241  | 21/12/2022 | 25/04/2025 |         |
| 6,17 | ALV | Lê Đức Thắng         |                | Em rể    | CCCD | 38095018391  | 19/12/2022 | 25/04/2025 |         |
| 6,18 | ALV | Lê Minh An           |                | Con      | CCCD | 38320015343  | 04/08/2024 | 25/04/2025 |         |
| 6,19 | ALV | Lê Minh Anh          |                | Con      | CCCD | 38323033326  | 04/08/2024 | 25/04/2025 |         |
| 7    | ALV | Lê Thị Thảo          | Tổng Giám đốc  | Mẹ đẻ    | CCCD | 041094005427 | 27/04/2021 | 27/12/2021 |         |
| 7,01 | ALV | Nguyễn Thị Diệp      |                | Mẹ đẻ    | CCCD | 040173023554 | 28/06/2021 | 27/12/2021 |         |
| 7,02 | ALV | Lê Thị Trang         |                | Em gái   | CCCD | 040199002048 | 27/04/2021 | 27/12/2021 |         |
| 7,03 | ALV | Lê Thị Trà           |                | Mẹ chồng | CCCD | 038172030713 | 11/08/2021 | 22/01/2024 |         |
| 7,04 | ALV | Lương Đức Dũng       |                | Chồng    | CCCD | 038093004196 | 11/08/2021 | 22/01/2024 |         |
| 7,05 | ALV | Lương Việt Anh       |                | Em chồng | CCCD | 038200016231 | 15/08/2021 | 22/01/2024 |         |
| 7,06 | ALV | Lương Minh Đức       |                | Con      |      |              |            | 17/03/2024 | Còn nhỏ |
| 8    | ALV | Hà Thị Hồng Nhung    | Kế toán trưởng | Bố đẻ    | CMND | 025186001910 | 15/03/2021 | 17/06/2019 |         |
| 8,01 | ALV | Hà Quang Cảnh        |                | Bố đẻ    | CMND | 130856970    | 20/08/2010 | 17/06/2019 |         |
| 8,02 | ALV | Nguyễn Thị Hồng Thái |                | Mẹ đẻ    | CMND | 130657086    | 20/08/2010 | 17/06/2019 |         |
| 8,03 | ALV | Trịnh Đình Hùng      |                | Bố chồng | CCCD | 038050005276 | 01/04/2020 | 17/06/2019 |         |
| 8,04 | ALV | Mai Thị Thái         |                | Mẹ chồng | CCCD | 038150005689 | 10/08/2021 | 17/06/2019 |         |
| 8,05 | ALV | Trịnh Đình Đại       |                | Chồng    | CMND | 172840001    | 15/07/2013 | 17/06/2019 |         |
| 8,06 | ALV | Hà Hải Nam           |                | Em trai  | CMND | 132121100    | 10/04/2012 | 17/06/2019 |         |
| 8,07 | ALV | Hà Tuyết Nhung       |                | Em dâu   | CMND | 130465706    | 06/07/2005 | 17/06/2019 |         |
| 8,08 | ALV | Trịnh Bảo Châu       |                | Con gái  |      |              |            | 17/06/2019 | Còn nhỏ |
| 8,09 | ALV | Trịnh Tuấn Kiệt      |                | Con trai |      |              |            | 17/06/2019 | Còn nhỏ |

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC

Se Thị Thảo

